

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TAM KỲ  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2022

V/v "*Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con chung*"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Trần Thị Kim Thanh

+ Ông Nguyễn Văn Thông

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Cẩm Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố tam Kỳ: Bà Lê Vũ Hạ My-Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 156/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2022 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1978; trú tại: Tổ 3 khối phố Phú P, phường An P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1970, trú tại: Tổ 3 khối phố Phú P, phường An P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Bà và ông Phạm Thanh T đăng ký kết hôn tại UBND phường An P năm 2008, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T không lo làm ăn, ham chơi cờ bạc, rượu chè, không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng bà đã ly thân, phần ai nấy sống không quan tâm nhau hơn một năm nay. Nay vợ chồng không thể hòa hợp được, tình cảm không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 23/9/2012 và Phạm Thị Thanh M, sinh ngày 09/02/2009. Ly hôn bà yêu cầu nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 1.000.000đồng/1 cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Phạm Thanh T:

Từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đến phiên toà sơ thẩm, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác của Tòa án đến bị đơn, nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án để làm việc. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án thông báo hợp lệ nhiều lần, nhưng không thực hiện các quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 đề nghị xét xử vắng mặt ông T theo luật định. Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] **Về tố tụng:** Bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Thanh T, theo quy định Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đến ông T, tuy nhiên ông T đều vắng mặt tại các phiên làm việc, phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Thanh T theo luật định.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị M và ông Phạm Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam vào năm 2008, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà M cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi mâu thuẫn, gia đình lục đục nên không hạnh phúc. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến ông T, nhưng ông T đều vắng mặt và không có ý kiến chính thức bằng văn bản gửi đến Tòa án để nói rõ quan điểm của mình về yêu cầu ly hôn của

bà M, do đó không có căn cứ để Tòa án xem xét cho vợ chồng đoàn tụ. Hiện tại hai người cũng đã sống ly thân, nay xét mâu thuẫn vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật HN&GD năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M, bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Phạm Thanh T.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 23/9/2012 và Phạm Thị Thanh M, sinh ngày 09/02/2009; để đảm bảo cho việc chăm sóc nuôi dưỡng các cháu sau khi vợ chồng ly hôn và xét trên nguyện vọng của hai cháu, nên cần tiếp tục giao cháu H và cháu Mẫn cho bà Nguyễn Thị M chăm sóc nuôi dưỡng, ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 2.000.000đồng (1.000.000đồng/cháu) cho đến khi cháu H, cháu M đủ tuổi trưởng thành, là đúng theo quy định tại các Điều 81, 83, 107 Luật HN&GD năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Ông Phạm Thanh T phải chịu án phí cấp dưỡng theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 84, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đối với bị đơn anh Phạm Thanh T về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Phạm Thanh T;

- Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 23/9/2012 và Phạm Thị Thanh M, sinh ngày 09/02/2009; giao con chung cho bà Nguyễn Thị M được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng; ông Phạm Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000đồng/cháu), cho đến khi cháu H, cháu M đủ tuổi trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2022.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phạm Thanh T không nộp khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung như trên, thì phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## 2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009707 ngày 27/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Phạm Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07-9-2022), bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

## Nơi nhận :

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh, thành phố;
- Chi cục THA TP. Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND phường An P;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Ánh Nguyệt**

